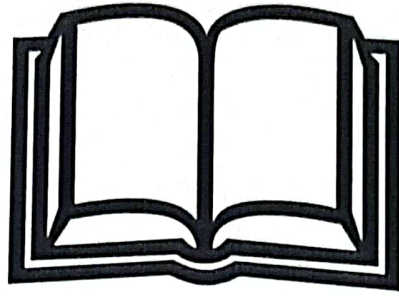


UBND HUYỆN AN DƯƠNG  
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẠI BẢN I



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG  
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO  
CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH**

*(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**NĂM HỌC: 2024-2025**

**THÁNG 9, NĂM 2024.**

Số: 280/BC-THĐBI

Đại Bản, ngày 06 tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU**  
**KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH**  
(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ hướng dẫn số ...../PGDĐT ngày .../9/2024 V/v thực hiện Quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của phòng GD&ĐT huyện An Dương, trường Tiểu học Đại Bản I đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

**A. Báo cáo công khai thường niên:**

**I. Thông tin chung:**

**1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).**

Tên trường: Trường Tiểu học Đại Bản I, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Thôn Tân Thanh, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3971.619

Website: <http://thdaiban1.haiphong.edu.vn>

**3. Loại hình: Công lập**

Cơ quan chủ quản: UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**4. Tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu**

**4.1. Tầm nhìn.**

Trường Tiểu học Đại Bản I phấn đấu là một trường chuẩn mực và năng động, có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội. Học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại. Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt với cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên.

**4.2. Sứ mệnh.**

Mục tiêu sứ mệnh của nhà trường là: Tạo dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, chất lượng cao. Mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển khả năng sáng tạo của bản thân. Học sinh tích cực học tập, chăm ngoan, lễ phép, hòa

thuận với bạn bè; có khả năng thích ứng với sự phát triển của xã hội và trở thành những công dân tốt.

#### **4.3. Mục tiêu.**

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

Là trường có chất lượng giáo dục dẫn đầu cấp Tiểu học của huyện An Dương.

#### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

Trường Tiểu học Đại Bản I được tách riêng từ Trường Tiểu học Đại Bản từ năm 2001. Trường thuộc địa phận xã Đại Bản - Huyện An Dương - Thành phố Hải Phòng, có tổng diện tích khuôn viên là 6.810 m<sup>2</sup>, diện tích mặt sàn là 10.086,56 m<sup>2</sup>. Trường Tiểu học Đại Bản I luôn là một trong những trường có chất lượng giáo dục được giữ vững và nâng cao trong nhiều năm qua của huyện An Dương. Trường liên tục đạt danh hiệu: Tập thể lao động tiên tiến. Chi bộ luôn đạt danh hiệu: "Chi bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc", Công đoàn liên tục đạt danh hiệu: "Công đoàn vững mạnh xuất sắc", Đội TNTP Hồ Chí Minh luôn đạt danh hiệu: "Liên đội Vững mạnh xuất sắc" cấp huyện, cấp thành phố. Nhiều hoạt động phong trào do cấp trên phát động được cán bộ, giáo viên và các em học sinh tham gia nhiệt tình và đạt được những kết quả cao. Trong suốt thời gian qua, nhà trường dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng luôn thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước giao, góp phần đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp: "*Công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*" và thực hiện mục tiêu của Đảng: "*Xây dựng xã hội công bằng, tiến bộ, dân chủ, văn minh.*"

Hơn 23 năm xây dựng và trường thành, Trường Tiểu học Đại Bản I từng bước có sự phát triển cả về quy mô và chất lượng giáo dục, trở thành địa chỉ giáo dục có uy tín của huyện An Dương. Từ một ngôi trường ban đầu có 2 điểm trường, chỉ có các phòng học cấp 4, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thiếu thốn, đến nay, trường đã có cơ sở vật chất khá khang trang gồm 1 dãy nhà hành chính quản trị; 2 dãy nhà cao tầng với 25 phòng học và 11 phòng chức năng, đáp ứng khá tốt điều kiện giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh.

Với sự cố gắng không ngừng, trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn được các cấp quản lý đánh giá hoàn thành tốt; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Tháng 8 năm 2023 nhà trường được Sở giáo dục và Đào tạo Hải Phòng ra Quyết định số 1445/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2023 công nhận trường tiểu học Đại Bản I đạt đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp độ 2; Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8

năm 2023 cấp bằng công nhận trường tiểu học Đại Bản I đạt Chuẩn Quốc gia Mức độ 1. Chi bộ nhà trường luôn được Đảng bộ xã Đại Bản công nhận Chi bộ hoàn thành Tốt và hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn nhà trường liên tục đạt danh hiệu tổ chức công đoàn cơ sở vững mạnh được Liên đoàn lao động thành phố tặng Bằng khen, Giấy khen. Liên đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh được Hội đồng Đội thành phố công nhận Liên đội xuất sắc, được Trung ương đoàn, Thành Đoàn Hải Phòng tặng nhiều bằng khen, giấy khen.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được trong những năm học qua, mục tiêu phấn đấu của nhà trường hiện nay là: tiếp tục duy trì giữ vững trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 2, từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “*Xây dựng trường học Xanh- Sạch-Đẹp- An toàn- Hạnh phúc*” và các cuộc vận động do ngành giáo dục phát động.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:**

Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Thi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Tân Thanh, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 0982905686 Gmail: nguyenthithi1974@gmail.com

**7. Tổ chức bộ máy:**

*a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục.*

Theo quyết định số 300/QĐ-UB ngày 08/8/2001 của UBND huyện An Hải, nay là huyện An Dương về việc chia tách trường, trường Tiểu học Đại Bản I được tách ra từ trường Tiểu học Đại Bản thành hai trường: Tiểu học Đại Bản I và Tiểu học Đại Bản II.

*b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.*

Hội đồng trường trường Tiểu học Đại Bản I được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ-PGDĐT ngày 12/6/2020 của Phòng giáo dục đào tạo huyện An Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Đại Bản I nhiệm kỳ 2020-2025 đảm bảo về cơ cấu tổ chức theo đúng quy định Điều 23, Điều lệ trường tiểu học.

Hội đồng trường được kiện toàn theo tờ trình số 40/TTr-THĐBI ngày 01/9/2010 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Đại Bản I về việc đề nghị kiện toàn Hội đồng trường. Hội đồng trường gồm 9 thành viên: đồng chí Nguyễn Thị Thi -

Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng; Phó hiệu trưởng là Thư ký Hội đồng, các thành viên khác gồm Chủ tịch công đoàn; Tổ trưởng chuyên môn; Tổng phụ trách; Bí thư đoàn thanh niên; Trưởng ban thanh tra nhân dân; Kế toán.

Hội đồng trường tiếp tục được thành lập theo Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Đại Bản I nhiệm kỳ 2020-2025, Hội đồng trường được kiện toàn theo tờ trình số 72/TTr-THĐBI ngày 10/7/2023 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Đại Bản I về việc đề nghị kiện toàn Hội đồng trường Trường tiểu học Đại Bản I, Hội đồng trường gồm 11 thành viên: đồng chí Nguyễn Thị Thi - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng là chủ tịch Hội đồng; Phó hiệu trưởng là Phó Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng và các thành viên gồm chủ tịch Công đoàn; các tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương và ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

*c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục.*

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thi

+ Ngày tháng năm sinh: 15/7/1974

+ Điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Đại Bản I từ ngày ngày 01/10/2018 theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 26 tháng 09 năm 2018; Bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Đại Bản I từ ngày ngày 01/10/2023 theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 29 tháng 09 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Dương.

Phó hiệu trưởng: Bùi Thị Thúy Hằng

+ Ngày tháng năm sinh: 28/08/1977

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Đại Bản I từ ngày ngày 14/12/2018 theo Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018; Bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Đại Bản I từ ngày ngày 14/12/2023 theo Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Dương.

*d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục*

\*) Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo

dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường.

\*) Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

\*) Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

\*) Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

\*) Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường ở địa phương. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

### 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; ( Có văn bản kèm theo)

## II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	43	0	3	31	3	1	5	0	23	12	32	3	0	0
I	Giáo viên	34		1	30	3				23	10				
	Trong đó số giáo viên														

chuyên biệt:																			
1	Tiếng dân tộc																		
2	Ngoại ngữ			3					2	1	2								
3	Tin học																		
4	Âm nhạc			1						1	1								
5	Mỹ thuật			1					1		1								
6	Thể dục																		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>					<b>2</b>	<b>2</b>						
1	Hiệu trưởng	1		1								1							
2	Phó hiệu trưởng	1		1								1							
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>7</b>			<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>5</b>											
1	Nhân viên văn thư	1					1												
2	Nhân viên kế toán	1			1														
3	Thủ quỹ																		
4	Nhân viên y tế																		
5	Nhân viên thư viện																		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																		
7	Nhân viên công nghệ thông tin																		
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																		
9	Nhân viên phục vụ																		5

### III. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>		Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	25	1,6
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>		
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>		
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	56	
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	42	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	56	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	56	
6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	98	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	18	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )	36	

VII		Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 1			
1.2	Khối lớp 2			
1.3	Khối lớp 3			
1.4	Khối lớp 4			
1.5	Khối lớp 5			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 1			
2.2	Khối lớp 2			
2.3	Khối lớp 3			
2.4	Khối lớp 4			
2.5	Khối lớp 5			
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		50	35 học sinh/bộ
IX		Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi			9
2	Cát xét			
3	Đầu Video/đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			14
5	Thiết bị khác...			
6	Loa kéo			1

	Nội dung	Số lượng(m <sup>2</sup> )
X	Nhà bếp	30
XI	Nhà ăn	200

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	7 phòng = 392m <sup>2</sup>	380	1,03 m <sup>2</sup>
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		6		240m <sup>2</sup> / 909 HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

#### IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

##### 1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả		
		Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		x	x	<b>Không đạt</b>
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		x	x	<b>Không đạt</b>
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		x	x	<b>Không đạt</b>
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		x	x	<b>Không đạt</b>
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		x	x	<b>Không đạt</b>
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

**Kết luận:** Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 02.

**1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:** Duy trì, giữ vững trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 01. Tiếp tục cải tiến các tiêu chí, tiêu chuẩn cần được hoàn thiện, từng bước phấn đấu trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

## **2. Kế hoạch cải tiến.**

**2.1. Năm học 2024-2025** Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính; Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh; Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường duy trì, giữ vững trường chuẩn mức độ 1, để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng chức năng đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới; Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh.

### **2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.**

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học. Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh. Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn. Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh.

## **V. Kết quả hoạt động giáo dục:**

### **1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học Đại Bản I, năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	HTCT Lớp 1	HTCT Lớp 2	HTCT Lớp 3	HTCT Lớp 4
		Thực hiện theo chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 bộ sách GK bộ kết nối tri thức với cuộc				

II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	sống( Danh mục sách giáo khoa đính kèm )
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Giáo viên chủ nhiệm lớp và cha mẹ học sinh thường xuyên liên hệ để cùng chăm lo việc học tập của con em. Tổ chức họp CMHS ít nhất 3lần/năm
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh: giáo dục các kỹ năng sống, giáo dục giá trị sống, ngoài ra trường tổ văn nghệ, thể dục thể thao .... phát triển toàn diện cho học sinh.
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực và phẩm chất: mức Đạt và Tốt: 100% Các môn học và hoạt động giáo dục: Hoàn thành và Hoàn thành tốt đạt 99,5% trở lên - Sức khỏe: 100% Học sinh sức khỏe bình thường (giảm đến mức thấp nhất số học sinh suy dinh dưỡng, béo phì).
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Các khối lớp 1,2,3,4,5: HTCTLH: 99,5% trở lên Khối lớp 5: HTCTTH: 100%

## 2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, cuối năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	933	168	166	208	204	187
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	933	168	166	208	204	187
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	<i>(Theo bảng thông tin về chất lượng cuối năm học đính kèm)</i>					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	<i>(Theo bảng thông tin về chất lượng cuối năm học đính kèm)</i>					
1	Hoàn thành tốt: (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành: (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Chưa hoàn thành: (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	933	168	166	208	204	187
1	Lên lớp: (tỷ lệ so với tổng số)	933 (100%)	168 (100%)	166 (100%)	208 (100%)	204 (100%)	187 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	777 (83,3%)	142 (84,5%)	139 (83,7%)	173 (83,2%)	168 (82,3%)	155 (82,9%)

b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	315 (33,7%)	23 (13,7%)	26 (15,6%)	51 (24,5%)	76 (37,2%)	139 (74,3%)
2	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

## VI. Kết quả tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐCP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Đại Bản I công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023.
- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024.
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý.
- Thông báo công khai danh sách học sinh được trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024. (kèm theo danh sách).

- Công khai khác theo quy định.

## VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

### 1. Kết quả đạt được trong năm học 2023-2024

#### Học sinh:

- \* Về chất lượng đại trà
- + 100% học sinh lên lớp và hoàn thành chương trình tiểu học
- + Số học sinh khen thưởng cấp trường là 83, 3% vượt 13, 06 % so với năm học 2022-2023, vượt 3,3% so với chỉ tiêu đăng kí

\* Nhà trường đặc biệt quan tâm đến chất lượng học sinh mũi nhọn. Năm học 2023-2024 nhà trường có **255 giải cấp huyện**. Trong đó: 02 giải Sơn ca, 02 giải Cờ vua 58 giải Tiếng Anh qua mạng (IOE), 193 Giải Violympic các môn học trên Internet.

**03 giải cấp thành phố. Trong đó:** 01 Giải Nhất Sơn ca, 01 giải Ba Dân chương trình thiếu nhi, 01 Giải Ba Cây đàn tuổi thơ

\* Một dấu ấn đáng kể đến đó là số lượng học sinh tham gia và đạt giải tại các sân chơi trí tuệ Quốc gia và Quốc tế.

**14 giải Quốc gia Toán FMO** ( Trong đó: 01 giải Vàng, 01 giải Bạc, 07 giải Đồng, 05 giải Khuyến khích).

**120 giải Quốc tế.** Trong đó: **63 Giải Toán học Úc (AMC)** gồm: 07 huy chương Bạc; 30 huy chương Đồng, 26 giải khuyến khích; **57 Giải Toán Kangroo ( IKMC)** gồm 01 giải vô địch, 17 huy chương Vàng, 25 huy chương Bạc, 14 huy chương Đồng).

\* Đặc biệt trong năm học 2023-2024 trường có 20 em học sinh được Chủ tịch UBND huyện An Dương tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong học tập, trong đó đáng kể đến em Phạm Kiều Trang nhiều năm liên đều đạt giải nhất, nhì Sơn ca cấp thành phố.

\* Giáo viên:

+ Đồng chí Nguyễn Thị Hà Giang được Ban chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi; được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong đổi mới phương pháp thực hiện chương trình GDPT 2028.

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 8 đ/c.

+ Lao động tiên tiến: 41 đ/c.

+ 8 đ/c được nhận giấy khen của chủ tịch UBND huyện trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

+ 01 đồng chí được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen lao động giỏi, lao động sáng tạo.

- Năm học 2023-2024 nhà trường có 8 giáo viên được chủ tịch ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen có thành tích Xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

+ Cô giáo Nguyễn Thị Tiệp có 06 HS học giải vàng cấp Quốc gia Violympic môn Tiếng Việt, 06 HS đạt giải vàng cấp Quốc gia Violympic môn Toán Tiếng Anh, 02 HS đạt giải vàng Quốc tế Toán Kangroo(IKMC)

+ Cô giáo Đặng Thị Mai Anh có 01 HS đạt giải Nhất Sơn ca thành phố; 01 HS đạt giải Đồng Cây đàn tuổi thơ cấp thành phố.

+ Cô giáo Hà Thị Vân có 02 HS đạt giải Vàng cấp Quốc gia Violympic môn Tiếng Việt 03 HS đạt giải Vàng Quốc tế Toán Kangroo(IKMC)

+ Cô giáo Phạm Thị Hiền Anh có 01 HS đạt giải vô địch, 01 HS đạt giải vàng Quốc tế Toán Kangroo(IKMC)

+ Cô giáo Bùi Thị Tú Anh có 04 HS đạt giải Vàng Quốc tế Toán Kangroo (IKMC)

+ Cô giáo Bùi Thị Cúc 02 HS đạt giải Vàng cấp Quốc gia Violympic môn Tiếng Việt 04 HS đạt giải Vàng Quốc tế Toán Kangroo(IKMC)

+ Cô giáo Phạm Thị Thúy Hà có 02 HS đạt giải Vàng Quốc tế Toán Kangaroo (IKMC)

+ Cô giáo Trần Thị Thanh có 01HS đạt giải Vàng Quốc tế Toán Kangaroo (IKMC)

- Trong năm học nhà trường cũng đã tổ chức Hội thi GVCN giỏi cấp trường, lựa chọn 6 giáo viên Xuất sắc tham gia hội thi GVCN giỏi cấp huyện và cả 6 đ/c đều đạt danh hiệu GVCN giỏi cấp huyện. 01 đ/c đạt danh hiệu GVTPPT Đội giỏi cấp huyện

Kết thúc năm học 2023-2024, nhà trường được Hội đồng thi đua khen thưởng huyện An Dương công nhận:

- *Đối với tập thể:* + Trường: Tập thể lao động tiên tiến. Giấy khen của chủ tịch UBND huyện trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

+ Công Đoàn: Vững mạnh xuất sắc.

+ Chi đoàn thanh niên: Vững mạnh XS cấp thành phố.

+ Liên đội: Giữ vững liên đội mạnh cấp thành phố.

Được Ban chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi theo quyết định số 1141-QĐKT/TWĐTN-VP ngày 19/9/2024.

**2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.**

- Triển khai Công của Sở GDĐT Hải Phòng về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục huyện An Dương nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận

các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

\* Những tồn tại hạn chế: Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên lớn tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

### **3. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống**

\* Công tác chỉ đạo.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HĐGDNGLL.

\* Kết quả đã đạt: Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

\* Những tồn tại hạn chế: Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong VD nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện tùy tiện.

### **4. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường**

\* Công tác chỉ đạo. Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

\* Kết quả đã đạt: Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

\* Những tồn tại hạn chế: Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chồng chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

### **B. Hình thức và thời điểm công khai:**

#### **1. Hình thức:**

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin điện tử của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán

bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp. Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

## 2. Thời điểm công khai:

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 9/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của UBND huyện An Dương.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 90 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2023-2024 của trường tiểu học Đại Bản I, nhà trường công khai đến lãnh đạo, cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025.

### Nơi nhận:

- Phòng GDĐT ( để báo cáo)
- Đảng ủy, UBND xã Đại Bản ( để báo cáo)
- CBQL, GVNV nhà trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Thi

**Phụ lục**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG KHAI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

**1. Điểm kiểm tra các môn:**

**Khối 1:**

TT	Môn	TS học sinh	Điểm							Ghi chú
			10	9	8	7	6	5	Dưới 5	
1	TV	168	22	90	33	12	4	7	0	
2	Toán	168	69	52	28	8	3	8		

**Khối 2:**

TT	Môn	TS học sinh	Điểm							Ghi chú
			10	9	8	7	6	5	Dưới 5	
1	TV	166	49	60	42	9	2	4	0	
2	Toán	166	64	59	23	11	5	4	0	

**Khối 3:**

TT	Môn	TS học sinh	Điểm							Ghi chú
			10	9	8	7	6	5	Dưới 5	
1	TV	208	15	138	24	18	6	7	0	
2	Toán	208	65	73	21	30	4	15	0	
3	T.Anh	208	25	108	23	21	14	17	0	
4	T.Học	208	23	111	37	22	9	6	0	
5	CN	208	20	131	33	14	6	4	0	

**Khối 4:**

TT	Môn	TS học sinh	Điểm							Ghi chú
			10	9	8	7	6	5	Dưới 5	
1	TV	204	3	147	23	11	7	13	0	
2	Toán	204	49	84	23	22	12	14	0	
3	Khoa học	204	26	120	29	14	12	3	0	
4	LS&DL	204	32	114	25	19	8	6	0	
5	T.Anh	204	29	88	27	28	12	20	0	
6	Tin học	204	45	106	28	8	5	12	0	
7	Công nghệ	204	15	130	36	15	4	4	0	

**Khối 5:**

TT	Môn	TS học sinh	Điểm							Ghi chú
			10	9	8	7	6	5	Dưới 5	
1	TV	187	35	115	13	11	6	7	0	
2	Toán	187	37	83	14	31	9	13	0	

3	Khoa học	187	30	120	14	10	7	6	0
4	LS&DL	187	26	114	17	17	7	6	0
5	TAnh	187	15	98	22	15	19	18	0

## 2. Đánh giá kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

### 2.1. Đối với khối lớp 1,2,3,4 (Theo TT27/BGD-ĐT, ngày 04/9/2020):

Môn	TS HS tham gia đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	
Tiếng Việt	746	630	84,5	116	15,5	0	0	
Toán	746	635	85	111	15	0	0	
TNXH	542	470	86,7	72	13,3	0	0	
Khoa học	204	176	86,3	28	13,7	0	0	
Lịch sử&Địa Lí	204	176	86,3	28	13,7	0	0	
Tiếng Anh	746	627	84	119	16	0	0	
Tin học	412	354	85,9	58	14,1	0	0	
Đạo đức	746	685	91,8	61	8,2	0	0	
Âm nhạc	746	650	87,1	96	12,9	0	0	
Mỹ thuật	746	636	85,3	110	14,7	0	0	
Công nghệ	412	356	86,4	56	13,6	0	0	
GDTC	746	690	92,5	56	7,5	0	0	
HDTN	746	666	89,2	80	10,8	0	0	

### 2.1. Đối với khối lớp 5 (Theo TT22/BGD-ĐT):

Môn	TS HS tham gia đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	
Tiếng Việt	187	149	79,68	38	20,32	0	0	
Toán	187	119	63,64	68	36,36	0	0	
Khoa học	187	150	82	37	18	0	0	
Lịch sử&Địa Lí	187	140	74,87	47	25,13	0	0	
Tiếng Anh	187	114	60,69	73	39,04	0	0	
Đạo đức	187	168	89,84	19	10,16	0	0	
Âm nhạc	187	152	81,28	35	18,72	0	0	
Mỹ thuật	187	157	83,96	30	16,04	0	0	
Thể dục	187	164	87,7	23	12,3	0	0	
Kỹ thuật	187	153	81,82	34	18,18	0	0	

### 3. Đánh giá Năng lực, Phẩm chất:

#### 3.1. Đối với lớp 5 đánh giá theo Thông tư 22

##### + Kết quả đánh giá về Năng lực:

Năng lực	TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
Tự phục vụ, tự quản	187	165	88,2	11	11,8	0	0
Hợp tác	187	161	86,1	16	13,9	0	0
Tự học, tự giải quyết vấn đề	187	154	82,4	33	17,6	0	0

##### + Kết quả đánh giá về Phẩm chất:

Phẩm chất	TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
Chăm học, chăm làm	187	162		25			
Tự tin, trách nhiệm	187	165		22			
Trung thực, kỉ luật	187	171		16			
Đoàn kết, yêu thương	187	187	100	0	0	0	0

#### 3.2. Đối với khối lớp 1,2,3,4 (Theo TT27/BGD-ĐT, ngày 04/9/2020):

##### + Kết quả đánh giá về năng lực cốt lõi

##### - Năng lực chung

Năng lực	TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
Tự chủ và tự học	746	645	86,5	101	13,5	0	0
Giao tiếp và hợp tác	746	663	88,9	83	11,1	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	746	629	84,3	117	17,7	0	0

##### - Năng lực đặc thù

Năng lực	TSHS tham gia đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)